

Số: 1232/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước
thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016-2020”;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 420/BKHĐT-PTDN ngày 30 tháng 6 năm 2017, công văn số 484/BKHĐT-PTDN ngày 31 tháng 7 năm 2017 và ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 9126/BTC-TCDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 và công văn số 870/BTC-TCDN ngày 14 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020” với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

Đẩy nhanh tiến độ bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ gắn với việc đảm bảo nguồn thu cho phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; thúc đẩy quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước để tập trung vào những khâu, công đoạn then chốt của nền kinh tế.

II. NỘI DUNG

1. Phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn và tỷ lệ thoái vốn tối thiểu theo từng năm của doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 (kèm theo).

2. Việc thoái vốn của công ty nông, lâm nghiệp và các công ty con và công ty liên kết của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa thực hiện cổ phần hóa; doanh nghiệp thuộc: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước; Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội; Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn; Bệnh viện Giao thông vận tải; Công ty trách nhiệm hữu hạn Truyền hình số vệ tinh Việt Nam; Công ty Đầu tư Tháp truyền hình Việt Nam thực hiện theo Quyết định riêng của cấp có thẩm quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Quyết liệt tổ chức thực hiện thoái vốn theo tiến độ và tỷ lệ đã được phê duyệt tại Danh mục kèm theo Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ thoái vốn nhà nước theo Quyết định này; rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung kịp thời việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp chưa có trong Danh mục kèm theo Quyết định này;

b) Chủ động căn cứ tình hình thị trường và thực tế tại doanh nghiệp để đẩy nhanh tiến độ và tăng tỷ lệ thoái vốn so với tỷ lệ tối thiểu hằng năm đã được phê duyệt; bổ sung thêm doanh nghiệp thực hiện thoái vốn sớm hơn nhưng cần đảm bảo hiệu quả, tính công khai, minh bạch;

c) Kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trường hợp không thể thực hiện thoái vốn theo Quyết định này vì lý do khách quan (điều kiện thị trường không thuận lợi, tính đặc thù khách quan của từng Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

d) Nghiêm túc thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao theo quy định của pháp luật; Sau khi tiếp nhận Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm thực hiện thoái vốn theo Quyết định này;

đ) Trước ngày 25 tháng cuối của quý và trước ngày 25 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo về tình hình triển khai thực hiện đến Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, có trách nhiệm:

a) Theo dõi, đôn đốc và giám sát tình hình thoái vốn nhà nước tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương theo Quyết định này;

b) Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp kết quả thoái vốn trên phạm vi cả nước để báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Tính toán, rà soát số lượng doanh nghiệp còn vốn nhà nước, số vốn nhà nước đã cổ phần hóa, số vốn nhà nước đã thoái, số vốn nhà nước còn lại tại các doanh nghiệp đến năm 2020, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2017.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm hàng năm thực hiện rà soát và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 cho phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng ban Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thi hành Quyết định này./


Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- TTg, các PTTg;
- BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTDN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo, Tổng giám đốc Công TTĐT
- Lưu: Văn thư, ĐMDN(2) 468

KT. THỦ TƯỚNG
PH. THỦ TƯỚNG



Wang Đình Huệ


DANH MỤC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN
NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN THOÁI VỐN GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | Tên doanh nghiệp | Tỷ lệ vốn (so với vốn điều lệ) tối thiểu dự kiến thoái trong năm |
|----|---|--|
| | I. Thực hiện thoái vốn năm 2017 (135 doanh nghiệp) | |
| | Bộ Công Thương - 1 doanh nghiệp | |
| 1 | Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam | 52,47% |
| | Bộ Giao thông vận tải - 6 doanh nghiệp | |
| 2 | Công ty CP Quản lý xây dựng đường bộ Kon Tum | 43,80% |
| 3 | Công ty CP Quản lý xây dựng đường bộ Quảng Ngãi | 29,00% |
| 4 | Công ty CP Quản lý xây dựng đường bộ Quảng Nam - Đà Nẵng | 45,00% |
| 5 | Công ty CP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 1 | 43,83% |
| 6 | Công ty CP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 10 | 51,00% |
| 7 | Công ty CP Tư vấn và Ứng dụng khoa học công nghệ giao thông vận tải | 20,00% |
| | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - 2 doanh nghiệp | |
| 8 | TCT Thủy sản Việt Nam - Công ty CP | Thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ |
| 9 | TCT Mía đường II - Công ty CP | 92,98% |
| | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - 1 doanh nghiệp | |
| 10 | Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại | 23,31% |
| | Bộ Tài chính - 1 doanh nghiệp | |
| 11 | Công ty CP In Tài chính | 49,00% |
| | Bộ Tài nguyên và Môi trường - 2 doanh nghiệp | |

| | | |
|----|--|--------|
| 12 | Công ty CP Tài nguyên Môi trường biển | 85,17% |
| 13 | Công ty CP Xây dựng và chuyển giao công nghệ môi trường | 64,16% |
| | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - 3 doanh nghiệp | |
| 14 | Công ty CP Công nghệ và Truyền hình | 43,58% |
| 15 | Công ty CP Du lịch dịch vụ Dầu khí | 11,89% |
| 16 | Công ty CP In Trần Phú | 20,00% |
| | Bộ Y tế - 1 doanh nghiệp | |
| 17 | Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty CP | 35,00% |
| | Bộ Xây dựng - 8 doanh nghiệp | |
| 18 | Tổng công ty CP Sông Hồng | 73,00% |
| 19 | Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty CP | 47,80% |
| 20 | Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng - Công ty CP | 43,60% |
| 21 | Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - Công ty CP | 47,16% |
| 22 | Tổng công ty Cơ khí xây dựng - Công ty CP | 47,76% |
| 23 | Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - Công ty CP | 36,32% |
| 24 | Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1-Công ty CP | 40,08% |
| 25 | Tổng công ty Xây dựng số 1 - Công ty CP | 40,53% |
| | Đài Truyền hình Việt Nam- 1 doanh nghiệp | |
| 26 | Công ty TNHH Truyền hình Cấp Saigontourist (VSTV) | 12,50% |
| | An Giang- 1 doanh nghiệp | |
| 27 | Công ty CP Điện nước An Giang | 39,14% |
| | Bà Rịa-Vũng Tàu- 2 doanh nghiệp | |
| 28 | Công ty CP Dịch vụ môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu | 29,00% |
| 29 | Công ty CP Dịch vụ du lịch quốc tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu | 27,00% |

| | | |
|----|---|--------|
| | Bắc Giang - 8 doanh nghiệp | |
| 30 | Công ty CP QL&XD Đường bộ | 40,00% |
| 31 | Công ty CP Sách GK và TB trường học | 54,52% |
| 32 | Công ty CP Hồng Thái | 6,33% |
| 33 | Công ty CP Dược phẩm | 9,05% |
| 34 | Công ty CP XD công trình Giao thông | 41,35% |
| 35 | Công ty CP Thuốc lá và thực phẩm | 45,02% |
| 36 | Công ty CP TM và DV Hiệp Hòa | 28,10% |
| 37 | Công ty CP Xuất nhập khẩu | 7,62% |
| | Bạc Liêu - 1 doanh nghiệp | |
| 38 | Công ty CP cấp nước Bạc Liêu | 47,65% |
| | Bắc Ninh - 1 doanh nghiệp | |
| 39 | Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Ninh | 27,19% |
| | Bến Tre - 1 doanh nghiệp | |
| 40 | Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre | 38,71% |
| | Bình Định - 9 doanh nghiệp | |
| 41 | Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định | 13,34% |
| 42 | Công ty CP Khoáng sản Bình Định | 25,00% |
| 43 | Tổng công ty PISICO Bình Định | 86,83% |
| 44 | Công ty CP Đầu tư và XD Bình Định | 99,30% |
| 45 | Công ty CP Tổng hợp An Lão | 65,02% |
| 46 | Công ty CP QLSC đường bộ Quy Nhơn | 61,60% |
| 47 | Công ty CP Tổng hợp Vân Canh | 84,04% |
| 48 | Công ty CP Tổng hợp Vĩnh Thạnh | 91,33% |

| | | |
|----|---|--------|
| 49 | Công ty CP Dược -TTB Y tế Bình Định | 8,00% |
| | Bình Thuận - 1 doanh nghiệp | |
| 50 | Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận | 17,55% |
| | Cà Mau - 1 doanh nghiệp | |
| 51 | Công ty CP Cấp nước Cà Mau | 35,49% |
| | Cần Thơ - 1 doanh nghiệp | |
| 52 | Công ty CP Đô thị Cần Thơ | 15,00% |
| | Cao Bằng - 1 doanh nghiệp | |
| 53 | Công ty CP In Việt Lập Cao Bằng | 61,30% |
| | Đà Nẵng - 1 doanh nghiệp | |
| 54 | Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng | 9,08% |
| | Đắk Nông - 2 doanh nghiệp | |
| 55 | Công ty CP quản lý, sửa chữa đường bộ Đắk Nông | 90,98% |
| 56 | Công ty CP Đăng kiểm xe cơ giới | 41,94% |
| | Điện Biên - 2 doanh nghiệp | |
| 57 | Công ty CP Đầu tư xây dựng và Quản lý giao thông tỉnh Điện Biên | 62,54% |
| 58 | Công ty CP Đầu tư xây dựng và Quản lý đường bộ II Điện Biên | 58,49% |
| | Đồng Nai - 1 doanh nghiệp | |
| 59 | Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp | 34,54% |
| | Gia Lai - 1 doanh nghiệp | |
| 60 | Công ty CP Công trình đô thị Gia Lai | 51,00% |
| | Hà Giang - 1 doanh nghiệp | |
| 61 | Công ty CP Cấp thoát nước | 15,00% |
| | Hà Nội - 17 doanh nghiệp | |

| | | |
|----|--|--------|
| 62 | Công ty CP Điện tử Giảng Võ | 65,19% |
| 63 | Công ty CP Cấp nước Sơn Tây | 95,59% |
| 64 | Công ty CP Cơ điện công trình | 98,89% |
| 65 | Công ty CP Quản lý và Xây dựng đường bộ 1 Hà Tây | 51,05% |
| 66 | Công ty CP Giấy Thượng Đình | 68,67% |
| 67 | Công ty CP Xích líp Đông Anh | 60,00% |
| 68 | Công ty CP Nhựa Hà Nội | 81,71% |
| 69 | Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt may | 19,99% |
| 70 | Công ty CP In Thương mại Hà Tây | 22,59% |
| 71 | Công ty CP Môi trường đô thị Hà Đông | 25,49% |
| 72 | Công ty Liên doanh Norfolk Hatexco | 35,09% |
| 73 | Công ty CP Mai Động | 30,00% |
| 74 | Công ty CP Truyền thông Nghe nhìn Hà Nội | 45,00% |
| 75 | Công ty CP Sách và thiết bị trường học Hà Nội | 37,60% |
| 76 | Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế | 45,00% |
| 77 | Công ty CP Đầu tư khai thác Hồ Tây | 41,72% |
| 78 | Công ty CP Điện cơ Thống Nhất | 46,90% |
| | Hải Dương - 2 doanh nghiệp | |
| 79 | Công ty CP Truyền hình Cáp Hải Dương | 48,97% |
| 80 | Công ty CP Quản lý công trình đô thị Hải Dương | 50,97% |
| | Hải Phòng - 2 doanh nghiệp | |
| 81 | Công ty CP Công trình đô thị | 29,32% |
| 82 | Công ty CP Cấp nước Hải Phòng | 29,58% |
| | Hậu Giang - 1 doanh nghiệp | |

| | | |
|----|---|--------|
| 83 | Công ty CP cấp thoát nước - công trình đô thị Hậu Giang | 45,20% |
| | Hòa Bình - 1 doanh nghiệp | |
| 84 | Công ty CP Nước sạch Hoà Bình | 24,00% |
| | Hưng Yên - 1 doanh nghiệp | |
| 85 | Công ty CP Giồng cây trồng Hưng Yên | 86,94% |
| | Khánh Hòa - 2 doanh nghiệp | |
| 86 | Công ty CP Quản lý và xây dựng giao thông Khánh Hoà | 38,60% |
| 87 | Công ty CP Cảng Nha Trang | 61,41% |
| | KonTum - 1 doanh nghiệp | |
| 88 | Công ty CP Môi trường Đô thị Kon Tum | 35,07% |
| | Lai Châu - 2 doanh nghiệp | |
| 89 | Công ty CP Thương mại huyện Mường Tè | 43,83% |
| 90 | Công ty CP Thương mại tỉnh Lai Châu | 86,63% |
| | Lâm Đồng - 3 doanh nghiệp | |
| 91 | Công ty CP Quản lý và Xây dựng Đường bộ II Lâm Đồng | 71,13% |
| 92 | Công ty CP Dịch vụ đô thị Đà Lạt | 13,73% |
| 93 | Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc | 10,42% |
| | Lạng Sơn - 1 doanh nghiệp | |
| 94 | Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị Lạng Sơn | 7,69% |
| | Long An - 4 doanh nghiệp | |
| 95 | Công ty CP Cấp thoát nước Long An | 12,34% |
| 96 | Công ty CP Đô thị Đức Hòa | 75,65% |
| 97 | Công ty CP Đô thị Thạnh Hóa | 57,29% |
| 98 | Công ty CP Đô thị Tân Hưng | 60,00% |

| | | |
|-----|---|--------|
| | Nghệ An - 4 doanh nghiệp | |
| 99 | Công ty CP Quản lý và Xây dựng giao thông thủy bộ Nghệ An | 65,59% |
| 100 | Công ty CP Quản lý và Xây dựng cầu đường Nghệ An | 43,35% |
| 101 | Công ty CP Giồng cây trồng Nghệ An | 3,94% |
| 102 | Công ty CP Cấp nước Nghệ An | 25,07% |
| | Ninh Bình - 1 doanh nghiệp | |
| 103 | Công ty CP Nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Ninh Bình | 23,22% |
| | Ninh Thuận - 2 doanh nghiệp | |
| 104 | Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận | 42,93% |
| 105 | Công ty CP Công trình đô thị Ninh Thuận | 91,00% |
| | Phú Thọ - 1 doanh nghiệp | |
| 106 | Công ty CP Xi măng Phú Thọ | 18,34% |
| | Quảng Bình - 3 doanh nghiệp | |
| 107 | Công ty CP Quản lý và Bảo trì đường thủy nội địa Quảng Bình | 75,00% |
| 108 | Công ty CP Cấp nước Quảng Bình | 29,93% |
| 109 | Công ty CP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình | 22,50% |
| | Quảng Nam - 1 doanh nghiệp | |
| 110 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Nam | 40,17% |
| | Quảng Ngãi - 1 doanh nghiệp | |
| 111 | Công ty CP Môi trường đô thị Quảng Ngãi | 51,00% |
| | Quảng Ninh - 2 doanh nghiệp | |
| 112 | Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh | 95,16% |
| 113 | Công ty CP Môi trường đô thị Hạ Long | 86,06% |
| | Quảng Trị - 3 doanh nghiệp | |

| | | |
|-----|--|--------|
| 114 | Công ty CP Nước sạch Quảng Trị | 30,00% |
| 115 | Công ty CP Tân Hưng | 30,00% |
| 116 | Công ty CP Quản lý và xây dựng giao thông Quảng Trị | 30,00% |
| | Sơn La - 1 doanh nghiệp | |
| 117 | Công ty CP Cấp nước Sơn La | 16,00% |
| | Tây Ninh - 2 doanh nghiệp | |
| 118 | Công ty CP Mía đường Tây Ninh | 17,00% |
| 119 | Công ty CP Đăng kiểm Tây Ninh | 17,11% |
| | Thái Bình - 3 doanh nghiệp | |
| 120 | Công ty CP Kinh doanh nước sạch Thái Bình | 70,00% |
| 121 | Công ty CP Quản lý đường bộ Thái Bình | 51,25% |
| 122 | Công ty CP In Thái Bình | 27,27% |
| | Thái Nguyên - 3 doanh nghiệp | |
| 123 | Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sông Công | 27,75% |
| 124 | Công ty CP Quản lý và Xây dựng giao thông Thái Nguyên | 52,22% |
| 125 | Công ty CP Vận tải Thái Nguyên | 23,21% |
| | Thanh Hóa - 1 doanh nghiệp | |
| 126 | Công ty CP Quản lý Đường thủy nội địa và Xây dựng giao thông Thanh Hoá | 51,08% |
| | Tiền Giang - 1 doanh nghiệp | |
| 127 | Công ty CP Công trình đô thị Gò Công | 51,00% |
| | Tuyên Quang - 1 doanh nghiệp | |
| 128 | Công ty CP Chế biến lâm sản Tuyên Quang | 50,50% |
| | Vĩnh Phúc - 3 doanh nghiệp | |
| 129 | Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc | 61,59% |

| | | |
|-----|---|--------|
| 130 | Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Phúc Yên | 50,46% |
| 131 | Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị Vĩnh Yên | 35,00% |
| | Chuyên về SCIC và thực hiện thoái vốn trong năm-4 doanh nghiệp | |
| 132 | Tổng công ty LICOGI - Công ty CP (Bộ Xây dựng) | 40,71% |
| 133 | Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng tỉnh Điện Biên (Điện Biên) | 62,45% |
| 134 | Công ty CP Khoáng sản Tuyên Quang (Tuyên Quang) | 51,00% |
| 135 | Công ty CP Cơ khí Tuyên Quang (Tuyên Quang) | 39,24% |
| | II. Thực hiện thoái vốn năm 2018 (181 doanh nghiệp) | |
| | Bộ Công Thương - 3 doanh nghiệp | |
| 1 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 24,86% |
| 2 | Tổng công ty CP xây dựng công nghiệp Việt Nam | 46,75% |
| 3 | Tổng công ty máy và TB công nghiệp - Công ty CP | 63,54% |
| | Bộ Giao thông vận tải - 1 doanh nghiệp | |
| 4 | Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - Công ty CP | 20,00% |
| | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - 2 doanh nghiệp | |
| 5 | Công ty CP Nhân lực quốc tế Sovilaco | 24,00% |
| 6 | Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại | 24,00% |
| | Bộ Tài nguyên và Môi trường - 2 doanh nghiệp | |
| 7 | Công ty CP đo đạc và khoáng sản | 64,83% |
| 8 | Công ty CP Địa chính và Tài nguyên môi trường | 73,33% |
| | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - 1 doanh nghiệp | |
| 9 | Công ty CP Phim Giải phóng | 99,71% |
| | Bộ Y tế - 1 doanh nghiệp | |
| 10 | Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty CP | 29,98% |

| | | |
|----|--|--------|
| | Bộ Xây dựng - 8 doanh nghiệp | |
| 11 | Tổng công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng | 49,65% |
| 12 | Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty CP | 51,00% |
| 13 | Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng - Công ty CP | 51,00% |
| 14 | Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - Công ty CP | 51,00% |
| 15 | Tổng công ty Cơ khí xây dựng - Công ty CP | 51,00% |
| 16 | Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - Công ty CP | 51,00% |
| 17 | Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty CP | 46,88% |
| 18 | Tổng công ty Viglacera - Công ty CP | 20,62% |
| | Bà Rịa-Vũng Tàu - 5 doanh nghiệp | |
| 19 | Công ty CP Dịch vụ đô thị Bà Rịa | 40,92% |
| 20 | Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức | 30,13% |
| 21 | Công ty Thủy sản, xuất nhập khẩu Côn Đảo | 34,34% |
| 22 | Công ty CP Dịch vụ đô thị và công cộng Xuyên Mộc | 32,00% |
| 23 | Công ty CP Đóng tàu và Dịch vụ dầu khí Vũng Tàu | 48,64% |
| | Bắc Giang - 1 doanh nghiệp | |
| 24 | Công ty CP QL&XD đường bộ | 35,49% |
| | Bắc Kạn - 1 doanh nghiệp | |
| 25 | Công ty CP Cấp thoát nước Bắc Kạn | 28,00% |
| | Bến Tre - 1 doanh nghiệp | |
| 26 | Công ty CP Xây dựng và bảo trì cầu đường | 38,97% |
| | Bình Định - 3 doanh nghiệp | |
| 27 | Công ty CP Môi trường đô thị Quy Nhơn | 38,90% |
| 28 | Công ty CP Công viên cây xanh và CSĐT Quy Nhơn | 20,57% |

| | | |
|----|--|--------|
| 29 | Công ty CP Dược -TTB Y tế Bình Định | 10,00% |
| | Bình Phước - 2 doanh nghiệp | |
| 30 | Công ty CP Xây dựng Bình Phước | 98,98% |
| 31 | Công ty CP Cấp thoát nước Bình Phước | 80,62% |
| | Cần Thơ - 2 doanh nghiệp | |
| 32 | Công ty CP Đô thị Cần Thơ | 15,00% |
| 33 | Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2 | 15,00% |
| | Đắk Nông - 1 doanh nghiệp | |
| 34 | Công ty CP Cấp nước và Phát triển đô thị Đắk Nông | 52,08% |
| | Điện Biên - 1 doanh nghiệp | |
| 35 | Công ty CP Giống nông nghiệp Điện Biên | 26,00% |
| | Đồng Tháp - 2 doanh nghiệp | |
| 36 | Công ty CP Xây lắp và VLXD Đồng Tháp | 56,49% |
| 37 | Công ty CP Cấp nước và môi trường đô thị Đồng Tháp | 38,50% |
| | Hà Nam - 1 doanh nghiệp | |
| 38 | Công ty CP Đầu tư phát triển KCN Đồng Văn III | 51,00% |
| | Hà Nội - 17 doanh nghiệp | |
| 39 | Công ty CP Địa chính Hà Nội | 54,20% |
| 40 | Công ty CP Kim khí Thăng Long | 66,05% |
| 41 | Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà | 51,04% |
| 42 | Công ty CP Bao bì 277 Hà Nội | 65,00% |
| 43 | Công ty CP Dệt 19/5 Hà Nội | 32,03% |
| 44 | Công ty CP 18-4 Hà Nội | 47,48% |
| 45 | Công ty CP Sản xuất dịch vụ XNK Từ Liêm | 1,17% |

| | | |
|----|--|--------|
| 46 | Công ty CP Hanel | 29,00% |
| 47 | Công ty CP Giấy Thụy Khuê | 35,34% |
| 48 | Công ty CP Thống Nhất Hà Nội | 45,00% |
| 49 | Công ty CP Cơ điện Trần Phú | 38,88% |
| 50 | Công ty CP Sách Hà Nội | 37,34% |
| 51 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Haneco | 97,50% |
| 52 | Công ty CP Giống gia súc Hà Nội | 65,09% |
| 53 | Công ty CP Khảo sát Đo đạc HCGC Hà Nội | 45,00% |
| 54 | Công ty CP Công trình giao thông Hà Nội | 73,85% |
| 55 | Công ty CP Đồng Xuân | 71,00% |
| | Hà Tĩnh - 5 doanh nghiệp | |
| 56 | Công ty CP Cấp nước Hà Tĩnh | 44,76% |
| 57 | Công ty CP Môi trường đô thị Hồng Lĩnh | 52,32% |
| 58 | Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Hà Tĩnh | 29,55% |
| 59 | Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP | 32,37% |
| 60 | Công ty CP Quản lý và xây dựng công trình giao thông Hà Tĩnh | 39,00% |
| | Hải Dương - 6 doanh nghiệp | |
| 61 | Công ty CP Cầu đường bộ Hải Dương | 38,00% |
| 62 | Công ty CP Giống cây trồng Hải Dương | 49,00% |
| 63 | Công ty CP Kinh doanh nước sạch Hải Dương | 36,00% |
| 64 | Công ty CP Quản lý đường thủy Hải Dương | 26,00% |
| 65 | Công ty CP Giao thông, môi trường và đô thị Chí Linh | 21,00% |
| 66 | Công ty CP Môi trường đô thị Hải Dương | 16,00% |
| | Hải Phòng - 2 doanh nghiệp | |

| | | |
|----|--|--------|
| 67 | Công ty CP Phục vụ mai táng Hải Phòng | 64,50% |
| 68 | Công ty CP Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng | 6,52% |
| | Hòa Bình - 1 doanh nghiệp | |
| 69 | Công ty CP Nước sạch Hoà Bình | 20,00% |
| | Khánh Hòa - 5 doanh nghiệp | |
| 70 | Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hoà | 28,23% |
| 71 | Công ty CP Môi trường đô thị Nha Trang | 10,73% |
| 72 | Công ty CP Đô thị Cam Ranh | 11,58% |
| 73 | Công ty CP Đô thị Ninh Hoà | 34,33% |
| 74 | Công ty CP Công trình đô thị Vạn Ninh | 27,90% |
| | Lai Châu - 5 doanh nghiệp | |
| 75 | Công ty CP Quản lý và xây dựng cầu đường 3 Lai Châu | 57,28% |
| 76 | Công ty CP Xây dựng và quản lý Cầu đường 1 Lai Châu | 50,20% |
| 77 | Công ty CP Môi trường đô thị Lai Châu | 45,81% |
| 78 | Công ty CP Thương mại Sìn Hồ | 88,36% |
| 79 | Công ty CP Nước sạch Lai Châu | 20,00% |
| | Lâm Đồng - 1 doanh nghiệp | |
| 80 | Công ty CP Du lịch Lâm Đồng | 23,19% |
| | Lào Cai- 2 doanh nghiệp | |
| 81 | Công ty CP Cấp nước tỉnh Lào Cai | 40,84% |
| 82 | Công ty CP In báo Lào Cai | 97,44% |
| | Long An - 6 doanh nghiệp | |
| 83 | Công ty CP Giao thông Long An | 65,54% |
| 84 | Công ty CP Công trình đô thị Thủ Thừa | 60,00% |

| | | |
|-----|--|--------|
| 85 | Công ty CP Công trình đô thị Châu Thành | 60,00% |
| 86 | Công ty CP Công trình đô thị Cần Đước | 60,00% |
| 87 | Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Bến Lức | 27,15% |
| 88 | Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Vĩnh Hưng | 30,82% |
| | Nam Định - 1 doanh nghiệp | |
| 89 | Công ty CP Môi trường Nam Định | 15,04% |
| | Nghệ An - 5 doanh nghiệp | |
| 90 | Công ty CP Giống nuôi trồng thủy sản Nghệ An | 41,00% |
| 91 | Công ty CP Cấp nước Cửa Lò | 51,00% |
| 92 | Công ty CP Cấp nước Diễn Châu | 92,17% |
| 93 | Công ty CP Cấp nước Quỳnh Lưu | 87,52% |
| 94 | Công ty CP Cấp nước Thái Hòa | 98,21% |
| | Ninh Bình - 2 doanh nghiệp | |
| 95 | Công ty CP Cấp thoát nước Ninh Bình | 93,02% |
| 96 | Công ty CP Nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Ninh Bình | 23,22% |
| | Phú Thọ - 3 doanh nghiệp | |
| 97 | Công ty CP Môi trường đô thị Phú Thọ | 91,68% |
| 98 | Công ty CP Môi trường và Đô thị Việt Trì | 84,69% |
| 99 | Công ty CP Xử lý và chế biến rác thải Phú Thọ | 93,60% |
| | Phú Yên - 2 doanh nghiệp | |
| 100 | Công ty CP Cấp thoát nước Phú Yên | 11,46% |
| 101 | Công ty CP Môi trường đô thị Phú Yên | 40,29% |
| | Quảng Nam - 1 doanh nghiệp | |
| 102 | Công ty CP Môi trường đô thị Quảng Nam | 22,40% |

| | | |
|-----|---|--------|
| | Quảng Ngãi - 1 doanh nghiệp | |
| 103 | Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi | 34,07% |
| | Quảng Ninh - 1 doanh nghiệp | |
| 104 | Công ty CP Môi trường đô thị Cẩm Phả | 36,00% |
| | Quảng Trị - 2 doanh nghiệp | |
| 105 | Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị | 28,67% |
| 106 | Công ty CP Môi trường và đô thị Đông Hà | 19,36% |
| | Sơn La - 2 doanh nghiệp | |
| 107 | Công ty CP Cấp nước Sơn La | 15,00% |
| 108 | Công ty CP Môi trường và Đô thị Sơn La | 23,33% |
| | Tây Ninh - 2 doanh nghiệp | |
| 109 | Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh | 17,00% |
| 110 | Công ty CP Du lịch-Thương mại Tây Ninh | 44,83% |
| | Thái Bình - 2 doanh nghiệp | |
| 111 | Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình | 59,59% |
| 112 | Công ty CP Giống chăn nuôi Thái Bình | 56,76% |
| | Thái Nguyên - 1 doanh nghiệp | |
| 113 | Công ty CP Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên | 37,47% |
| | Thanh Hóa - 2 doanh nghiệp | |
| 114 | Công ty CP Cấp nước Thanh Hoá | 33,49% |
| 115 | Công ty CP Môi trường đô thị và Dịch vụ Du lịch Sầm Sơn | 52,75% |
| | Thừa Thiên Huế - 3 doanh nghiệp | |
| 116 | Công ty CP Đường bộ 1 Thừa Thiên Huế | 54,70% |
| 117 | Công ty CP Quản lý đường bộ và xây dựng công trình Huế | 51,43% |

| | | |
|-----|--|--------|
| 118 | Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế | 19,01% |
| | Tuyên Quang - 2 doanh nghiệp | |
| 119 | Công ty CP Cấp thoát nước Tuyên Quang | 14,00% |
| 120 | Công ty CP Dịch vụ môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang | 14,00% |
| | Vĩnh Long - 1 doanh nghiệp | |
| 121 | Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long | 23,05% |
| | Vĩnh Phúc - 2 doanh nghiệp | |
| 122 | Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc | 61,75% |
| 123 | Công ty CP Quản lý và sửa chữa đường bộ Vĩnh Phúc | 40,48% |
| | Yên Bái - 3 doanh nghiệp | |
| 124 | Công ty CP Cấp nước Yên Bái | 30,00% |
| 125 | Công ty CP Xây dựng đường bộ I Yên Bái | 30,00% |
| 126 | Công ty CP Xây dựng đường bộ II Yên Bái | 30,18% |
| | Chuyển về SCIC và thực hiện thoái vốn trong năm-55 doanh nghiệp | |
| 127 | Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Bộ Công Thương) | 53,48% |
| 128 | Tổng công ty Thép Việt Nam (Bộ Công Thương) | 57,92% |
| 129 | Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương (Bộ Công Thương) | 63,46% |
| 130 | Công ty CP Xây dựng và NK Tổng hợp (Bộ Công Thương) | 60,17% |
| 131 | Công ty CP Nhựa Việt Nam (Bộ Công Thương) | 64,65% |
| 132 | Công ty CP Nông thổ sản Việt Nam (Bộ Công Thương) | 23,00% |
| 133 | Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD (Bộ Công Thương) | 18,43% |
| 134 | Tổng công ty Xây dựng đường thủy - Công ty CP (Bộ Giao thông vận tải) | 36,62% |
| 135 | Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - Công ty CP (Bộ Giao thông vận tải) | 40,00% |
| 136 | Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - Công ty CP (Bộ Giao thông vận tải) | 18,42% |

| | | |
|-----|--|--------|
| 137 | Công ty CP Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải) | 93,37% |
| 138 | Công ty CP Xây dựng và chuyển giao công nghệ thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) | 36,00% |
| 139 | Công ty CP XNK và Phát triển Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 23,50% |
| 140 | Công ty CP Du lịch và Xúc tiến đầu tư (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 10,01% |
| 141 | Công ty CP XNK ngành In (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 47,99% |
| 142 | Công ty CP XNK Vật tư thiết bị ngành In (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 32,47% |
| 143 | Công ty CP Sách Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 10,00% |
| 144 | Công ty CP Phát hành sách Nghệ An (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 51,00% |
| 145 | Công ty CP Thể dục Thể thao Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 51,32% |
| 146 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phim truyện VN (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 28,85% |
| 147 | Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam – Công ty CP (Bộ Y tế) | 20,00% |
| 148 | Công ty CP Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang (Bộ Y tế) | 14,49% |
| 149 | Công ty CP Dược khoa (Bộ Y tế) | 7,11% |
| 150 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Côn Sơn (Bà Rịa-Vũng Tàu) | 40,00% |
| 151 | Công ty CP Phát triển Văn hóa Du lịch Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu) | 25,00% |
| 152 | Công ty CP Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu) | 9,31% |
| 153 | Công ty CP Công trình giao thông Bình Thuận (Bình Thuận) | 92,10% |
| 154 | Công ty CP Giống và thức ăn chăn nuôi (Cao Bằng) | 84,16% |
| 155 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Đà Nẵng (Đà Nẵng) | 41,96% |
| 156 | Công ty CP Công trình giao thông tỉnh Điện Biên (Điện Biên) | 37,09% |
| 157 | Công ty CP Lạc Hồng Điện Biên (Điện Biên) | 84,78% |
| 158 | Công ty CP Cấp nước Gia Lai (Gia Lai) | 46,78% |

| | | |
|-----|--|--------|
| 159 | Công ty CP Du lịch dịch vụ Biển Vàng (Hải Phòng) | 3,50% |
| 160 | Công ty CP Cung ứng tàu biển (Hải Phòng) | 38,57% |
| 161 | Công ty CP XD và Đầu tư hạ tầng (Hải Phòng) | 9,93% |
| 162 | Công ty CP Thương mại đầu tư và Xây dựng (Hải Phòng) | 24,22% |
| 163 | Công ty CP Thanh niên Hải Phòng (Hải Phòng) | 20,00% |
| 164 | Công ty TNHH Tư vấn thẩm định giá (Hải Phòng) | 90,48% |
| 165 | Công ty CP Thương mại và Đầu tư Khánh Hoà (Khánh Hòa) | 63,99% |
| 166 | Công ty CP Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa (Khánh Hòa) | 8,94% |
| 167 | Công ty CP Đầu tư xây dựng và phát triển nhà Phú Thọ (Phú Thọ) | 24,28% |
| 168 | Công ty CP Sửa chữa đường bộ và xây dựng tổng hợp Quảng Bình II (Quảng Bình) | 51,00% |
| 169 | Công ty CP Thanh niên xung phong Quảng Ngãi (Quảng Ngãi) | 52,76% |
| 170 | Công ty CP Bến xe Quảng Ngãi (Quảng Ngãi) | 50,99% |
| 171 | Công ty CP Du lịch Quảng Ngãi (Quảng Ngãi) | 2,77% |
| 172 | Công ty CP Sơn Mỹ Quảng Ngãi (Quảng Ngãi) | 3,74% |
| 173 | Công ty CP Quản lý cầu đường bộ I Quảng Ninh (Quảng Ninh) | 75,00% |
| 174 | Công ty CP Quản lý cầu đường bộ II Quảng Ninh (Quảng Ninh) | 75,00% |
| 175 | Công ty CP Bến xe Quảng Ninh (Quảng Ninh) | 17,00% |
| 176 | Công ty CP Giải trí quốc tế Lợi Lai (Quảng Ninh) | 24,26% |
| 177 | Công ty CP Du lịch Thanh Hoá (Thanh Hóa) | 19,92% |
| 178 | Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Bim Sơn (Thanh Hóa) | 31,01% |
| 179 | Công ty CP Đầu tư Hạ tầng KCN Thanh Hoá (Thanh Hóa) | 47,10% |
| 180 | Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm Á Châu (Thừa Thiên Huế) | 79,20% |
| 181 | Công ty CP Chăn nuôi Tiền Giang (Tiền Giang) | 97,42% |
| | III. Thực hiện thoái vốn năm 2019 (62 doanh nghiệp) | |

| | | |
|----|---|--------|
| | Bộ Công Thương - 2 doanh nghiệp | |
| 1 | Tổng công ty CP xây dựng công nghiệp Việt Nam | 36,00% |
| 2 | Tổng công ty máy và TB công nghiệp - Công ty CP | 36,00% |
| | Bộ Giao thông vận tải - 1 doanh nghiệp | |
| 3 | Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Công ty CP | 35,16% |
| | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - 1 doanh nghiệp | |
| 4 | Công ty CP Hãng phim hoạt hình | 87,00% |
| | Bộ Xây dựng - 2 doanh nghiệp | |
| 5 | Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty CP | 51,00% |
| 6 | Tổng công ty Viglacera - Công ty CP | 36,00% |
| | Bà Rịa-Vũng Tàu - 5 doanh nghiệp | |
| 7 | Công ty CP Phát triển công viên cây xanh và đô thị Vũng Tàu | 24,00% |
| 8 | Công ty CP công trình giao thông | 18,24% |
| 9 | Công ty Cao su Thống nhất | 15,00% |
| 10 | Công ty CP Du lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu | 58,88% |
| 11 | Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bà Rịa-Vũng Tàu | 67,69% |
| | Bắc Giang - 2 doanh nghiệp | |
| 12 | Công ty CP Quản lý công trình đô thị | 21,38% |
| 13 | Công ty CP Giống chăn nuôi | 41,59% |
| | Bắc Kạn - 1 doanh nghiệp | |
| 14 | Công ty CP cấp thoát nước Bắc Kạn | 36,00% |
| | Bến Tre - 1 doanh nghiệp | |
| 15 | Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre | 13,00% |
| | Bình Định - 1 doanh nghiệp | |

| | | |
|----|--|--------|
| 16 | Công ty CP Dược -TTB Y tế Bình Định | 15,34% |
| | Cần Thơ - 2 doanh nghiệp | |
| 17 | Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ | 13,00% |
| 18 | Công ty CP Đô thị Cần Thơ | 11,37% |
| | Điện Biên - 1 doanh nghiệp | |
| 19 | Công ty CP Cấp nước Điện Biên | 48,41% |
| | Đồng Nai - 1 doanh nghiệp | |
| 20 | Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp | 29,00% |
| | Hà Giang - 3 doanh nghiệp | |
| 21 | Công ty CP Môi trường đô thị | 12,87% |
| 22 | Công ty CP Đường bộ I | 60,00% |
| 23 | Công ty CP Đường bộ II | 70,34% |
| | Hà Tĩnh - 2 doanh nghiệp | |
| 24 | Công ty CP Môi trường đô thị Hồng Lĩnh | 36,00% |
| 25 | Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Hà Tĩnh | 14,00% |
| | Hải Dương - 2 doanh nghiệp | |
| 26 | Công ty CP Công trình giao thông Hải Dương | 49,68% |
| 27 | Công ty CP Môi trường đô thị Hải Dương | 34,99% |
| | Hải Phòng - 3 doanh nghiệp | |
| 28 | Công ty CP Bến xe Hải Phòng | 13,57% |
| 29 | Công ty CP Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng | 14,00% |
| 30 | Công ty CP Đường bộ Hải Phòng | 14,00% |
| | Hòa Bình - 1 doanh nghiệp | |
| 31 | Công ty CP Nước sạch Hoà Bình | 20,00% |

| | | |
|----|---|--------|
| | Lai Châu - 1 doanh nghiệp | |
| 32 | Công ty CP Nước sạch Lai Châu | 25,80% |
| | Lạng Sơn - 2 doanh nghiệp | |
| 33 | Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn | 15,00% |
| 34 | Công ty CP Quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn | 37,33% |
| | Long An - 4 doanh nghiệp | |
| 35 | Công ty CP Đô thị Tân An | 60,00% |
| 36 | Công ty CP Cấp thoát nước và môi trường Kiến Tường | 88,22% |
| 37 | Công ty CP Công trình đô thị Tân Thành | 42,00% |
| 38 | Công ty CP Công trình đô thị Cần Giuộc | 35,00% |
| | Nam Định - 1 doanh nghiệp | |
| 39 | Công ty CP Công trình đô thị Nam Định | 14,74% |
| | Nghệ An - 1 doanh nghiệp | |
| 40 | Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Nghệ An | 30,74% |
| | Ninh Bình - 3 doanh nghiệp | |
| 41 | Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị thành phố Ninh Bình | 66,00% |
| 42 | Công ty CP Môi trường đô thị Tam Điệp | 66,00% |
| 43 | Công ty CP Nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Ninh Bình | 23,22% |
| | Quảng Bình - 2 doanh nghiệp | |
| 44 | Công ty CP Cấp nước Quảng Bình | 13,90% |
| 45 | Công ty CP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình | 13,90% |
| | Quảng Ninh - 1 doanh nghiệp | |
| 46 | Công ty CP Môi trường đô thị Móng Cái | 40,00% |
| | Quảng Trị - 1 doanh nghiệp | |

| | | |
|----|--|--------|
| 47 | Công ty CP Nước sạch Quảng Trị | 13,52% |
| | Sơn La - 1 doanh nghiệp | |
| 48 | Công ty CP Môi trường và Đô thị Sơn La | 23,33% |
| | Tây Ninh - 2 doanh nghiệp | |
| 49 | Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh | 35,00% |
| 50 | Công ty CP Đăng kiểm Tây Ninh | 49,00% |
| | Thái Nguyên - 1 doanh nghiệp | |
| 51 | Công ty CP Nước sạch Thái Nguyên | 42,27% |
| | Vĩnh Long - 1 doanh nghiệp | |
| 52 | Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long | 44,39% |
| | Vĩnh Phúc - 4 doanh nghiệp | |
| 53 | Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc | 35,00% |
| 54 | Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Phúc Yên | 35,00% |
| 55 | Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc | 35,00% |
| 56 | Công ty CP Quản lý và sửa chữa đường bộ Vĩnh Phúc | 35,00% |
| | Yên Bái - 1 doanh nghiệp | |
| 57 | Công ty CP Cấp nước Yên Bái | 30,98% |
| | Chuyển về SCIC và thực hiện thoái vốn trong năm- 5 doanh nghiệp | |
| 58 | Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương (Bộ Công Thương) | 36,00% |
| 59 | Công ty CP In Điện Biên (Điện Biên) | 33,35% |
| 60 | Công ty CP Thiết kế chế tạo thiết bị (Hải Phòng) | 10,42% |
| 61 | Công ty TNHH Thương mại Quốc tế (Hải Phòng) | 34,85% |
| 62 | Công ty CP Thương mại và Đầu tư Khánh Hoà (Khánh Hòa) | 36,00% |
| | IV. Thực hiện thoái vốn năm 2020 (28 doanh nghiệp) | |

| | | |
|----|--|--------|
| | Bộ Công Thương - 1 doanh nghiệp | |
| 1 | Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam | 36,00% |
| | Bộ Giao thông vận tải - 1 doanh nghiệp | |
| 2 | Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam | 10,40% |
| | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - 2 doanh nghiệp | |
| 3 | Công ty CP Nhân lực quốc tế Sovilaco | 51,00% |
| 4 | Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại | 51,00% |
| | Đài Tiếng nói Việt Nam - 1 doanh nghiệp | |
| 5 | Tổng công ty Phát triển phát thanh truyền hình | 25,00% |
| | Bà Rịa-Vũng Tàu - 3 doanh nghiệp | |
| 6 | Công ty CP Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu | 13,11% |
| 7 | Công ty CP Dịch vụ đô thị Tân Thành | 13,36% |
| 8 | Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư phát triển đô thị huyện Long Điền | 30,00% |
| | Bắc Giang - 1 doanh nghiệp | |
| 9 | Công ty CP Nước sạch Bắc Giang | 34,86% |
| | Cần Thơ - 1 doanh nghiệp | |
| 10 | Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2 | 13,00% |
| | Hải Dương - 4 doanh nghiệp | |
| 11 | Công ty CP Cầu đường bộ Hải Dương | 47,39% |
| 12 | Công ty CP Kinh doanh nước sạch Hải Dương | 29,00% |
| 13 | Công ty CP Quản lý đường thủy Hải Dương | 48,89% |
| 14 | Công ty CP Giao thông, môi trường và đô thị Chí Linh | 29,98% |
| | Lâm Đồng - 1 doanh nghiệp | |
| 15 | Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc | 56,30% |

| | | |
|----|---|--------|
| | Lạng Sơn - 1 doanh nghiệp | |
| 16 | Công ty CP Chợ Lạng Sơn | 35,08% |
| | Long An - 3 doanh nghiệp | |
| 17 | Công ty CP Cấp thoát nước Long An | 60,00% |
| 18 | Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Bến Lức | 60,00% |
| 19 | Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Vĩnh Hưng | 60,00% |
| | Ninh Bình - 1 doanh nghiệp | |
| 20 | Công ty CP Nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Ninh Bình | 23,22% |
| | Quảng Ninh - 2 doanh nghiệp | |
| 21 | Công ty CP Quản lý đường thủy Quảng Ninh | 89,62% |
| 22 | Công ty CP Cầu, phà Quảng Ninh | 87,28% |
| | Quảng Trị - 1 doanh nghiệp | |
| 23 | Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị | 28,66% |
| | Sơn La - 1 doanh nghiệp | |
| 24 | Công ty CP Cấp nước Sơn La | 20,00% |
| | Thanh Hóa - 1 doanh nghiệp | |
| 25 | Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá | 52,45% |
| | Yên Bái - 1 doanh nghiệp | |
| 26 | Công ty CP Cấp nước Yên Bái | 36,00% |
| | Chuyển về SCIC và thực hiện thoái vốn trong năm - 2 doanh nghiệp | |
| 27 | Tổng công ty Thép Việt Nam (Bộ Công Thương) | 36,00% |
| 28 | Công ty CP In Điện Biên (Điện Biên) | 64,00% |